

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Bản án số: **38/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 04/11/2021

V/v “*ly hôn*”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ- TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà **Nguyễn Thị Hương**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Vũ Trung Thành**

Bà **Nguyễn Thị Tiên**

- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Bà **Đào Thị Quỳnh Nga** - cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước:* Bà **Đỗ Thị Hương** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 173/2021/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021 về việc “*ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21/6/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:* **Lê Thị Bích V, sinh năm 1978 (có mặt)

Trú tại: Tổ 29, Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh B.

* *Bị đơn:* **Bùi Minh C**, sinh năm 1967 (có mặt)

Trú tại: Tổ 29, Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh B.

NHẬN THẤY

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Lê Thị Bích V trình bày:

Về hôn nhân: chị V và anh Bùi Minh C (tên thường dùng là Lê Quốc D) chúng sống với nhau tự nguyện vào năm 1993, không có đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương.

Năm 2004, anh C tự ý đi làm giấy đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Tân Phú lấy tên giả là Lê Quốc D, sinh năm 1975 để đăng ký kết hôn và tự ký tên vào giấy đăng ký kết hôn tại mục chữ ký bên vợ và bên chồng. Việc anh C đi làm giấy kết hôn chị V hoàn toàn không biết. Chữ ký trong giấy chứng nhận kết hôn và trong sổ đăng ký kết hôn hoàn toàn không phải là chữ của chị V.

Chị V khẳng định tên Lê Quốc D, sinh năm 1975 trong giấy đăng ký kết hôn; tên Lê Quốc D, sinh năm 1972 trong giấy khai sinh của các con và tên Bùi Minh C, sinh năm 1967 chính là một người (chồng chị V).

Trong thời gian chung sống, vợ chồng hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong gia đình, không có sự cảm thông sẻ chia với nhau, cũng một phần do không có sự tin tưởng nhau trong cuộc sống nên mâu thuẫn ngày càng lớn dần và cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, chị V cũng đã cố gắng kéo dài cuộc sống chung vì các con nhưng từ năm 2018 cho đến nay đã ly thân nhau, mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị V xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự hết nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Bùi Minh C

Về con chung: Chúng tôi có chung 02 con là con là Lê Quốc L, sinh năm 1995 và Lê Thị Bích T, sinh năm 2000. Hiện tại các con đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết về con cái.

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Bùi Minh C trình bày:*

Anh C tên thật (tên khai sinh và chứng minh nhân dân) là Bùi Minh C, sinh năm 1967, tên thường dùng là Lê Quốc D. Trước đây do không hiểu biết, đi lập nghiệp trong Nam không có giấy tờ tùy thân nên tự đặt tên mình là Lê Quốc D.

Anh C khẳng định tên thật (tên khai sinh, giấy tờ tùy thân) là Bùi Minh C, còn tên Lê Quốc D, sinh năm 1975 là tên giả, năm sinh giả mà anh C tự đặt ra trước khi gặp và quen chị V. Do khai tên Lê Quốc D, nên trong giấy chứng nhận kết hôn và giấy khai sinh của các con cũng mang tên chồng, cha là Lê Quốc D, sinh năm 1975 và 1972 (giấy tờ do anh C tự đi làm, tự khai tên giả, năm sinh giả). Anh C khẳng định các giấy tờ đăng ký kết hôn và khai sinh của các con có sự khác nhau về họ tên, năm sinh phần chồng, cha để nhưng đều là anh C. Do không hiểu biết và do cuộc sống mưu sinh làm ăn vất vả nên anh C không đến cơ quan có thẩm quyền để xin điều chỉnh lại giấy tờ trên cho đúng với tên thật của mình

Anh C thừa nhận là chung sống tự nguyện với chị Lê Thị Bích V từ năm 1993, không có đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Năm 2004, anh C tự ý nhờ người quen làm hộ giấy đăng ký kết hôn, khai tên mình là Lê Quốc D, sinh năm 1975. Chữ ký trong giấy đăng ký, sổ đăng ký kết hôn phần bên chồng và bên vợ là do chính tay anh C viết, ký. Việc anh C tự đi làm giấy đăng ký kết hôn chị V không biết.

Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ những điều nhỏ nhặt trong cuộc sống gia đình, không có sự cảm thông chia sẻ với nhau nên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Từ năm 2017, đã sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Anh C xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự hết nên cũng đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị V.

Về con chung: Có chung 02 con là Lê Quốc L, sinh năm 1995 và Lê Thị Bích T, sinh năm 2000. Hiện tại các con đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết về con cái.

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự có ý kiến như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng và đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án từ khi thụ lý cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử đã tuân thủ đúng thời hạn xét xử theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 11, Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; điểm c, khoản 2 Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn Lê Thị Bích V và bị đơn Bùi Minh C

Tuyên hủy giấy kết hôn số 619 ngày 10/12/2004 do UBND thị trấn Tân Phú ký cấp cho anh Lê Quốc D, chị Lê Thị Bích V

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các bên đương sự, kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn là chị Lê Thị Bích V yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Bùi Minh C và không yêu cầu Tòa án giải quyết con chung, tài sản chung. Vì vậy, đây là vụ án "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Bùi Minh C có nơi cư trú tại Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh B, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

-Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã giao Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

-Yêu cầu của đương sự:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Bích V và anh Bùi Minh C chung sống với nhau một cách tự nguyện vào năm 1993, mặc dù có đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương nhưng việc đăng ký kết hôn giữa chị V và anh C không tuân thủ đúng theo trình tự thủ tục pháp luật quy định, cụ thể là hai người không trực tiếp đi đăng ký kết hôn. Mặt khác, anh C có tên thật là Bùi Minh C, sinh năm 1967 nhưng trong giấy đăng ký kết hôn lại ghi là Lê Quốc D, sinh năm 1975 là không đúng họ, tên, năm sinh của anh C việc này được anh C thừa nhận là đã khai tên giả để kết hôn với chị V, giấy đăng ký kết hôn do anh C nhờ người làm, không có chữ ký của chị V và chị V cũng không biết, nên sự kiện này không cần phải chứng minh. Các hành vi trên vi phạm điều kiện kết hôn được quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2000, theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân gia đình thì “*Mọi nghi*

thức kết hôn không theo quy định tại Điều 14 của Luật này đều không có giá trị pháp lý”.

Trong quá trình chung sống, chị V và anh C không đồng nhất quan điểm, không biết chia sẻ, cảm thông, giúp đỡ lẫn nhau, không tôn trọng và chung thủy với nhau nên xảy ra nhiều mâu thuẫn, dẫn đến ly thân và ly hôn. Mặc dù chị Lê Thị Bích V và anh Bùi Minh C xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự hết và đồng ý thuận tình ly hôn nhưng như đã phân tích ở trên hôn nhân giữa chị V và anh C không hợp pháp; cũng như việc đăng ký kết hôn không đúng, có sự giả mạo tên tuổi nên việc đăng ký kết hôn cũng như giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 619/2004 quyền số 04 ngày 10/12/2004 giữa chị V và anh C không có giá trị pháp lý nên không thể công nhận thuận tình ly hôn của các đương sự mà cần áp dụng Điều 11, Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; điểm c, khoản 2 Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn Lê Thị Bích V và bị đơn Bùi Minh C là phù hợp. Đồng thời cần tuyên hủy giấy chứng kết hôn số 619/2004 quyền số 04 do UBND thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước ký cấp ngày 10/12/2004 cho chị Lê Thị Bích V, anh Lê Quốc D.

[3] Về con chung, tài sản chung: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm các bên phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 11, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm c mục 2 Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000; Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn Lê Thị Bích V và bị đơn Bùi Minh C.

Tuyên hủy giấy chứng kết hôn số 619/2004 quyền số 04 do UBND thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước ký cấp ngày 10/12/2004 cho chị Lê Thị Bích V, anh Lê Quốc D.

2. Về con chung, tài sản chung và các vấn đề khác: không xem xét do không có yêu cầu.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng chị Lê Thị Bích V phải nộp, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị V đã nộp theo biên lai thu tiền số

004805 ngày 20/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Đồng Phú;
- THA huyện Đồng Phú;
- UBND Tt Tân Phú (cqđkkh);
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hương